

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/QĐXX-HNGĐ ngày 10/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Kim A, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã H A, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đăng ký tạm trú: Nhà số 04, đường TTN25, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đăng ký tạm trú: Nhà trọ của bà Út, đường DJ9- NJ18, khu phố 3B, phường Th H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim A trình bày: Bà Lê Thị Kim A và ông Lê Minh H tự

nguyên sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H A, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào ngày 27/6/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ sau thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do ông H thường xuyên đánh đập và la mắng bà A. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng.

Về con chung: Bà A và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 31/01/2013 và Lê Hồng Ng sinh ngày 27/7/2014. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Lê Minh H đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Qua quá trình hòa giải, ông H thống nhất như trình bày của bà A về thời điểm chung sống, hình thức đăng ký kết hôn. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A đã có người đàn ông khác. Trước yêu cầu ly hôn của bà Anh ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Về vấn đề con chung ông H không đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng và chăm sóc.

Toà án đã triệu tập họp lệ ông H nhiều lần để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện lý do vắng mặt.

Phiên tòa xét xử vắng mặt các bên, do nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim A yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Minh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các bên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Minh H có địa chỉ đăng ký tạm trú tại khu phố 3B, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim A và ông Lê Minh H tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào ngày 27/6/2013 như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà A cho rằng giữa bà và ông H

không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nguyên nhân do ông H tính tình cộc cằn, thường xuyên nghi ngờ dẫn tới việc đánh đập và chửi mắng bà A, bà A đã nhiều lần tha thứ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông H vẫn không thay đổi nên bà Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Kết quả xác minh ngày 19/9/2018 thể hiện: Bà A và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương biết để can thiệp, hiện nay ông H và bà A sống ly thân.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã tiến hành triệu tập ông H đến Tòa để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H chỉ tham gia hòa giải 02 lần, về sau không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Qua đó cho thấy lời trình bày của bà A là có căn cứ, ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến vợ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[4] Về con chung: Bà A và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 31/01/2013 và Lê Hồng Ng sinh ngày 27/7/2014. Bà Anh có nguyện vọng nuôi dưỡng các con chung, ông H không đồng ý giao các con chung cho bà A nuôi dưỡng. Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét thấy, cháu M và cháu Ng đang sống chung cùng bà A trong thời gian dài, ngoài ra ông H thường không có mặt tại nhà. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao 02 con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm về quyền lợi mọi mặt của các con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim A đối với bị đơn ông Lê Minh H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Bà Lê Thị Kim A được ly hôn với ông Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 31/01/2013 và Lê Hồng Ng sinh ngày 27/7/2014 cho bà Lê Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Kim A và ông Lê Minh H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0025248 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương